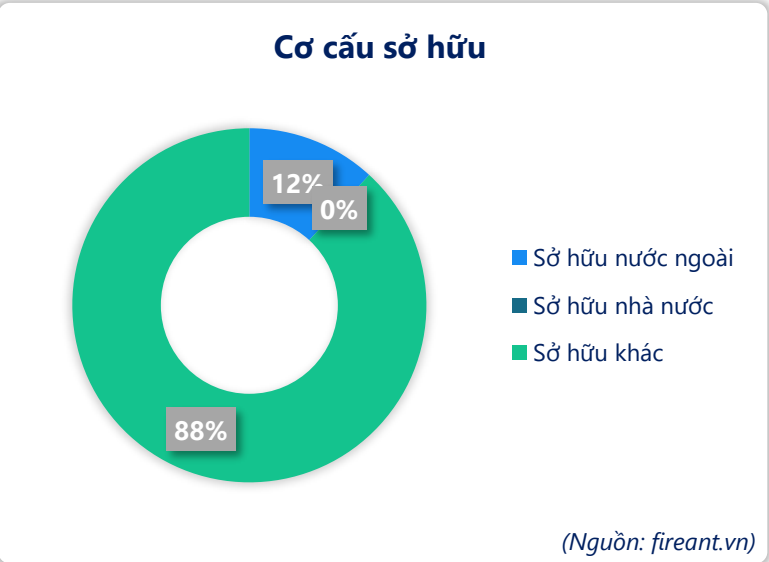
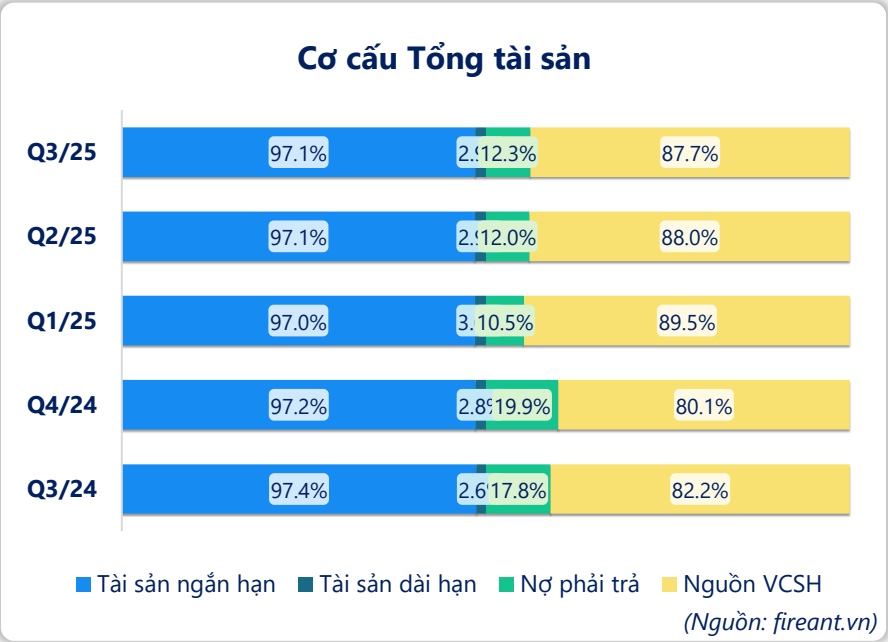
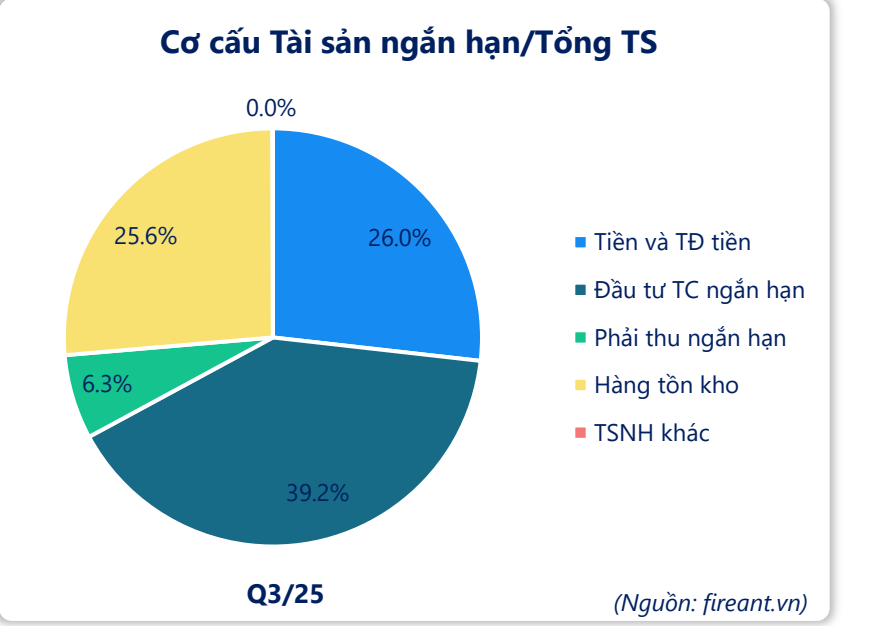
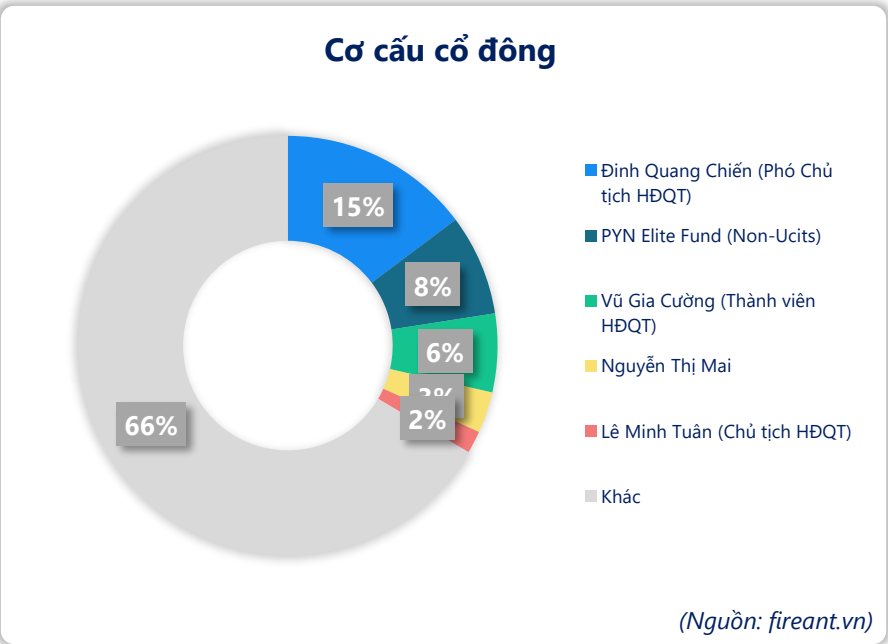
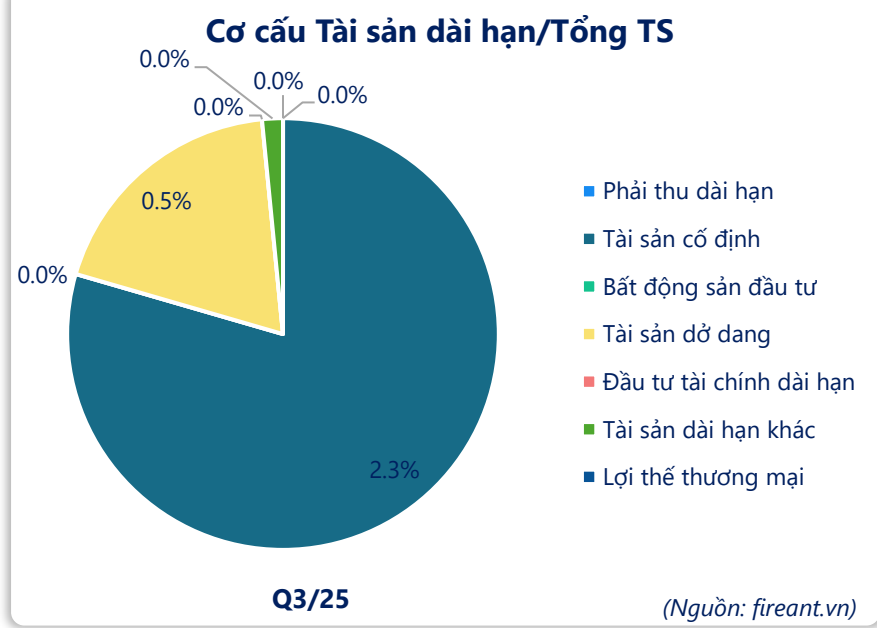
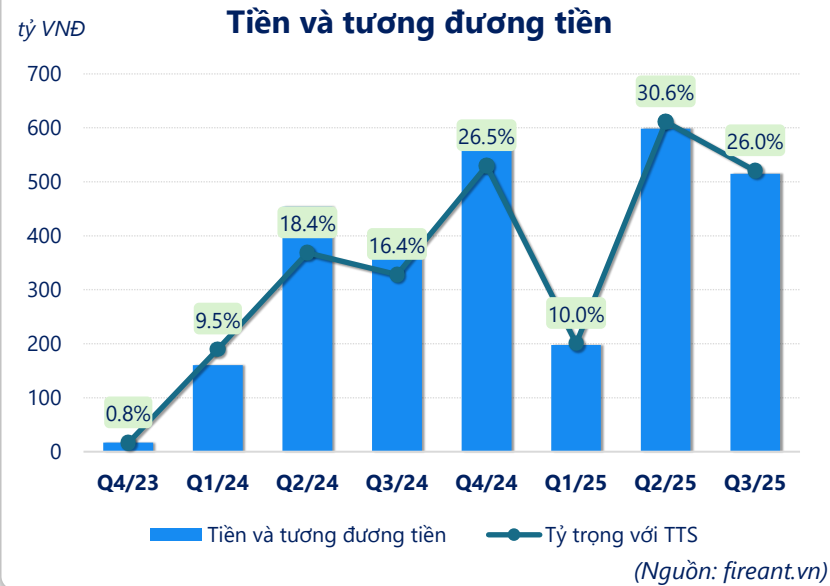
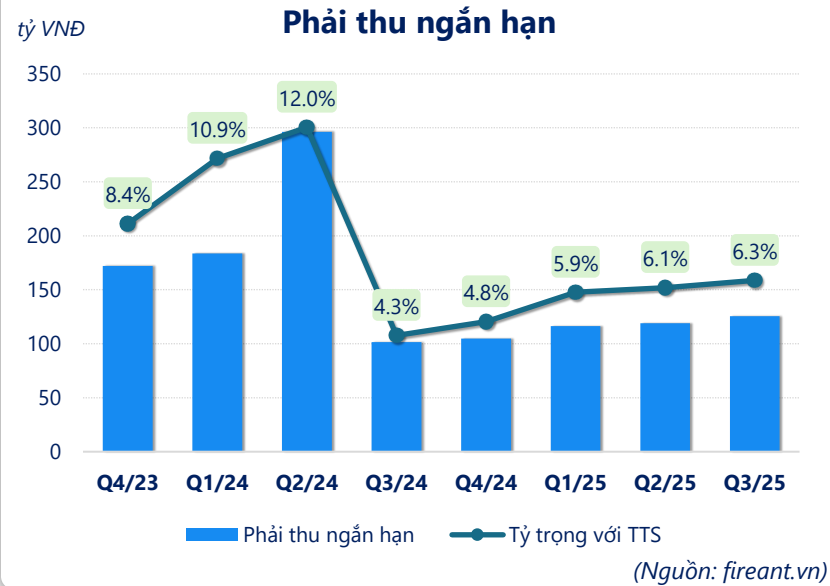
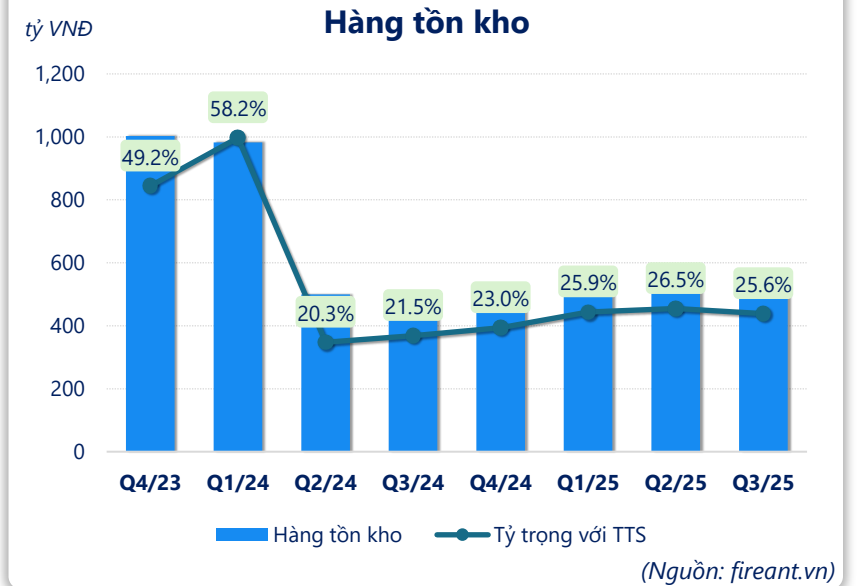
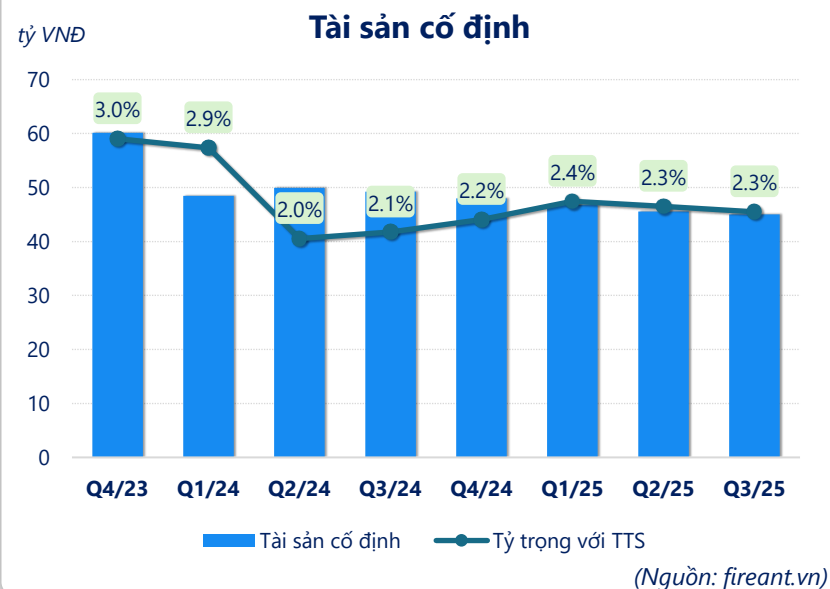
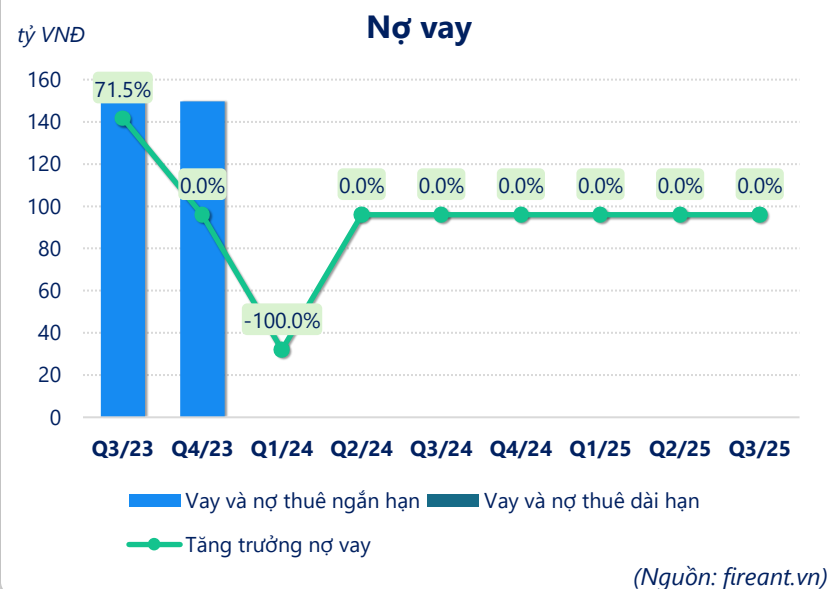
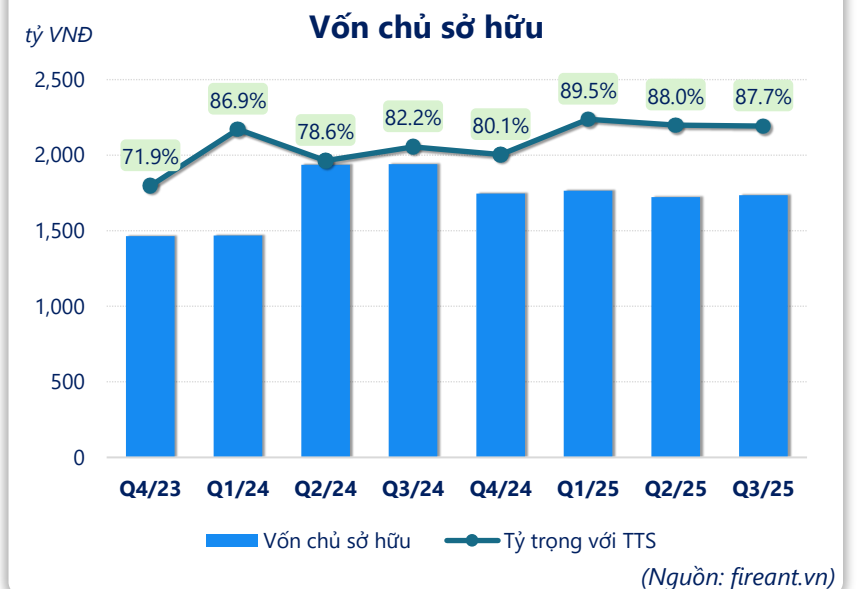
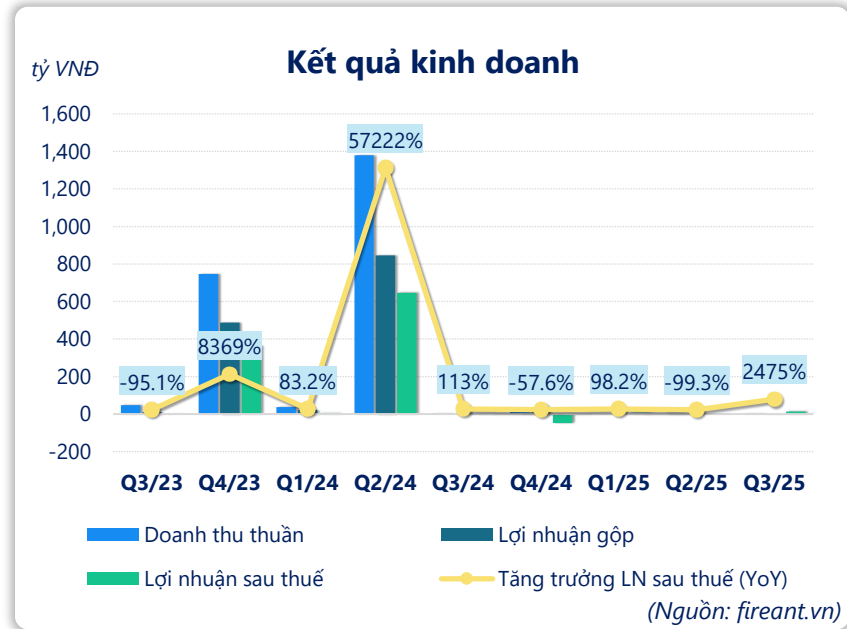
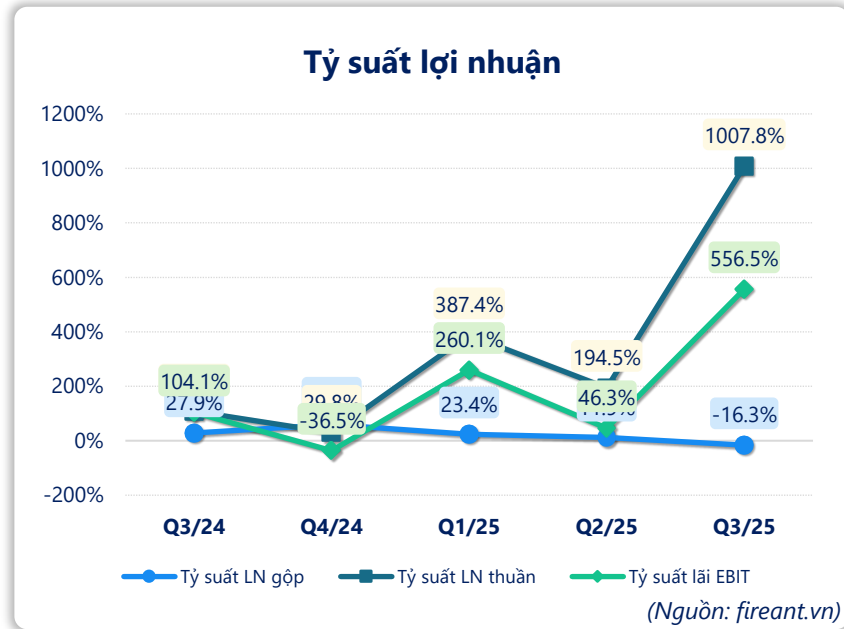
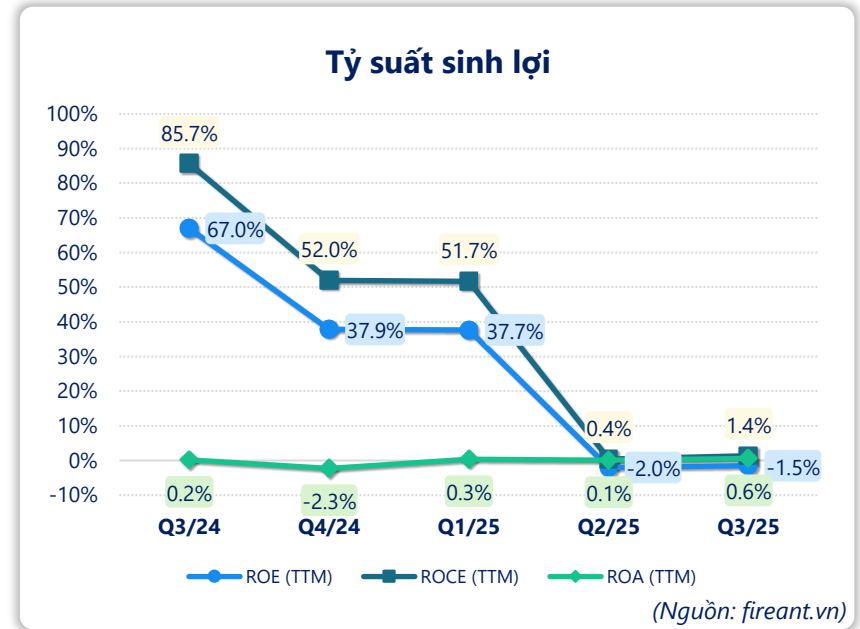
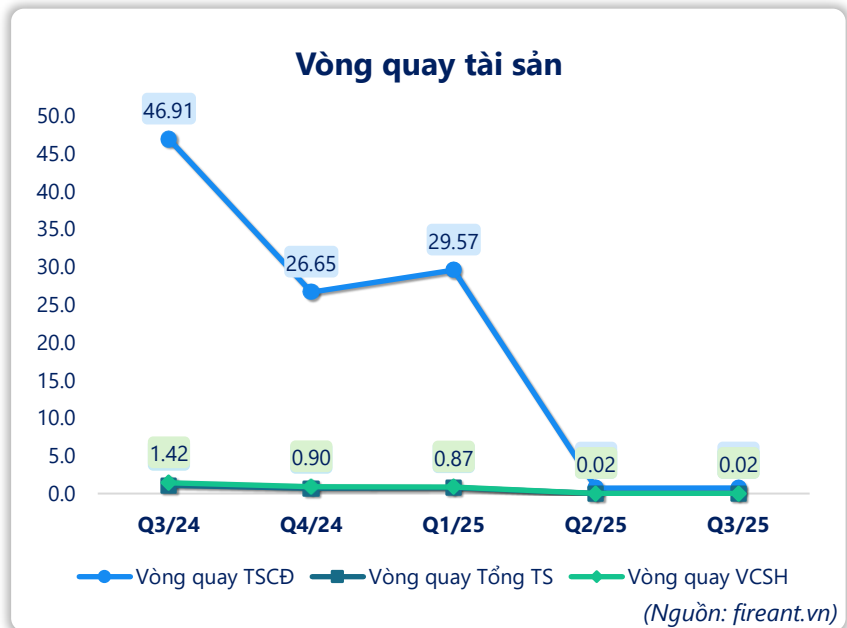
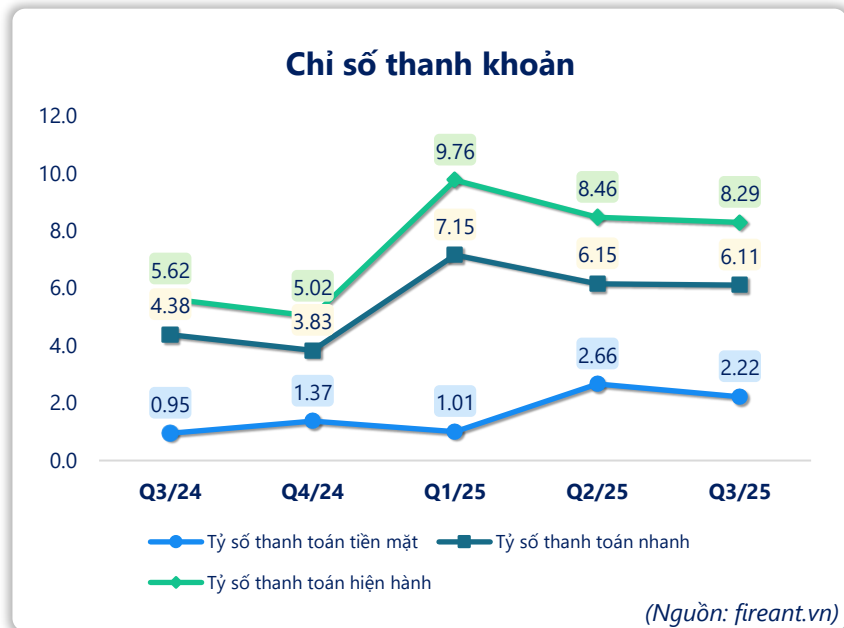
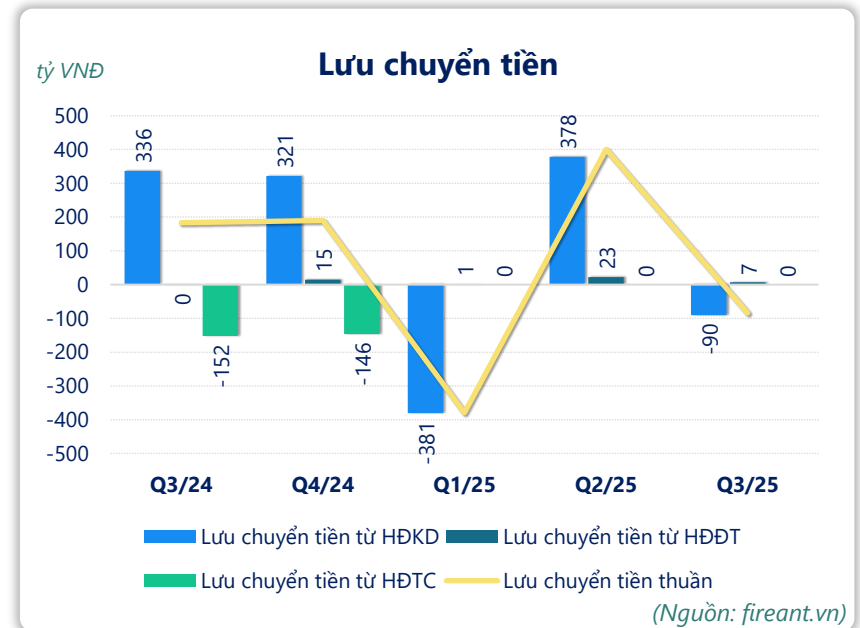


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,300
SL cổ phiếu LH		121,979,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,464,690
% sở hữu nước ngoài		11.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,269
P/E		-82.6
EPS		-225

	YTD	1T	3T	6T
NTL	1.1%	-7.0%	2.8%	12.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,978	2,178	-9.2%
Tài sản ngắn hạn	1,921	2,118	-9.3%
Tiền và tương đương tiền	515	577	-10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	775	935	-17.2%
Phải thu ngắn hạn	126	105	19.7%
Hàng tồn kho	506	500	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.63	0.63	0.0%
Tài sản dài hạn	56.6	60.3	-6.1%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	45.0	48.0	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	10.7	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.88	1.54	-42.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	243	420	-42.3%
Nợ ngắn hạn	232	409	-43.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.03	5.30	-61.6%
Nợ dài hạn	10.9	10.9	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,735	1,758	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,735	1,758	-1.3%
Vốn điều lệ	1,220	1,220	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3.76	21.3	3.48	6.14	3.86
Giá vốn hàng bán	2.71	8.65	2.67	5.41	4.49
Lợi nhuận gộp	1.05	12.6	0.81	0.73	-0.63
Doanh thu HĐTC	15.3	20.1	13.0	20.9	57.6
Chi phí TC	0.13	11.1	-10.6	-0.41	8.43
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.01	0.17	0.09	0.00	0.50
Chi phí QLDN	12.2	15.1	10.8	10.0	9.19
LN thuần từ HĐKD	4.05	6.33	13.5	11.9	38.9
Lợi nhuận khác	-0.14	-14.1	-4.43	-9.10	-17.4
LN trước thuế	3.92	-7.75	9.05	2.85	21.5
Lợi nhuận sau thuế	3.58	-48.0	6.35	1.45	12.7
LNST của CĐ cty mẹ	3.58	-48.0	6.35	1.45	12.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	336	321	-381	378	-90.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.31	14.7	1.05	22.6	6.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-152	-146	0	0	0
Tiền đầu kỳ	204	387	577	198	598
Lưu chuyển tiền thuần	184	190	-380	401	-83.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	387	577	198	598	515

(Nguồn: fireant.vn)